



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 200 + 201

Ngày 01 tháng 11 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

28-8-2025	Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ban hành Quy định về một số chế độ, mức chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh.	4
28-8-2025	Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND quy định chế độ hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm cho đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách, người lao động thôi việc sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	24
28-8-2025	Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà ở cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh bị tác động, ảnh hưởng do sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.	28

- 28-8-2025 Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh. 31
- 28-8-2025 Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh. 36
- 28-8-2025 Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. 41
- 28-8-2025 Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng đã nghỉ việc do quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp lại đơn vị hành chính theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 46
- 28-8-2025 Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được ủy quyền cho công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện trong lĩnh vực hành chính tư pháp. 50

-
- | | | |
|-----------|---|----|
| 28-8-2025 | Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND về chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 54 |
| 28-8-2025 | Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND quy định về nội dung chi, mức chi thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 58 |

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về một số chế độ, mức chi cho hoạt động của
Hội đồng nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP hướng dẫn một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào

làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 54/2021/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 468/TTr-BPC ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết Quy định về một số chế độ, mức chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 498/BC-KTNS ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định về một số chế độ, mức chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về một số chế độ, mức chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 8 năm 2025.

2. Thời gian áp dụng Nghị quyết

a) Đối với Hội đồng nhân dân lâm thời ở các phường thuộc khu vực Thành phố Hồ Chí Minh (trước sắp xếp): áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

b) Đối với Hội đồng nhân dân ở các xã, phường, đặc khu còn lại: áp dụng từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Nghị quyết số 31/2021/NQ-HĐND về ban hành Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021 - 2026; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ban hành quy định một số chế độ chi phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND quy định một số chế độ mức chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp tổ chức quản lý, điều hành, thực hiện chi đúng mục đích và đúng quy định; đồng thời thực hiện chế độ báo cáo với cơ quan có

thẩm quyền theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về một số chế độ, mức chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND
ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số chế độ, mức chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố.

b) Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã (phường, xã, đặc khu).

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp quy định tại Nghị quyết này do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; được phân bổ trong dự toán chi hàng năm của cơ quan, đơn vị quản lý kinh phí phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân và được thanh, quyết toán theo quy định hiện hành.

2. Các khoản chi không nêu tại Quy định kèm theo Nghị quyết này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp nào thì được hưởng hoạt động phí cấp đó;

trường hợp là đại biểu Hội đồng nhân dân hai cấp thì được hưởng hoạt động phí hàng tháng ở cấp cao nhất và hưởng một lần với mức cao nhất đối với các nội dung mức chi: trang phục (lễ phục), chăm sóc sức khỏe định kỳ hàng năm, chế độ tài liệu.

Điều 3. Các nội dung chi, mức chi

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Thành phố	Cấp xã (phường, xã, đặc khu)
I	Hoạt động phí (Thực hiện theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)			
1	Đại biểu Hội đồng nhân hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội được chi trả chế độ tiền công lao động theo ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ	Mức lương cơ sở/ngày	0,14	0,10
2	Hoạt động phí của Đại biểu Hội đồng nhân dân (bao gồm cả đại biểu hoạt động chuyên trách và hoạt động không chuyên trách)	Mức lương cơ sở/tháng	0,5	0,3
II	Chi cho công tác thẩm tra nghị quyết của Hội đồng nhân dân			
1	Xây dựng các báo cáo thẩm tra về: báo cáo, đề án, tờ trình dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân			
1.1	Nội dung có ngành, nhiều lĩnh vực cơ chế chính sách đặc thù, quy hoạch, dự toán, quyết toán ngân sách, kinh tế xã hội, đầu tư công trung hạn, đầu tư công hàng năm. độ phức tạp liên quan đến nhiều			
1.1.1	Đối với cơ quan chủ trì thẩm tra	đồng/báo cáo	3.000.000	1.800.000
1.1.2	Đối với cơ quan phối hợp thẩm tra (chỉ soạn thảo báo	đồng/báo cáo	2.000.000	1.200.000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Thành phố	Cấp xã (phường, xã, đặc khu)
	cáo tham gia thẩm tra)			
1.2	Thẩm tra các nội dung còn lại			
1.2.1	Đối với cơ quan chủ trì	đồng/báo cáo	2.000.000	1.200.000
1.2.2	Đối với cơ quan phối hợp thẩm tra (chỉ soạn thảo báo cáo tham gia thẩm tra)	đồng/báo cáo	1.000.000	600.000
2	Tổ chức các cuộc họp thẩm tra, góp ý báo cáo thẩm tra			
2.1	Bồi dưỡng nghiên cứu tài liệu	đồng/người /nội dung thẩm tra	400.000	250.000
2.2	Người chủ trì	đồng/người/buổi	200.000	120.000
2.3	Đại biểu Hội đồng nhân dân và khách mời	đồng/người/buổi	150.000	100.000
2.4	Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ trực tiếp	đồng/người/buổi	150.000	100.000
2.5	Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ gián tiếp	đồng/người/buổi	100.000	80.000
2.6	Phóng viên báo đài tham gia	đồng/người/buổi	100.000	80.000
3	Chi cho chuyên gia viết bài tham luận, góp ý phục vụ công tác thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết (bằng văn bản)			
3.1	Nội dung có độ phức tạp liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực cơ chế chính sách đặc thù, quy hoạch, dự toán, quyết toán ngân sách, kinh tế xã hội, đầu tư công trung hạn, đầu tư công hàng năm.	đồng/người/văn bản góp ý	800.000	500.000
3.2	Các nội dung còn lại	đồng/người/văn bản góp ý	400.000	250.000
4	Chi cho công tác xây dựng chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác nhiệm kỳ, hàng năm trình Hội đồng nhân dân			

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Thành phố	Cấp xã (phường, xã, đặc khu)
4.1	Chi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hàng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân.	đồng/văn bản	2.000.000	1.200.000
4.2	Chi xây dựng báo cáo định kỳ, tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân.	đồng/văn bản	1.000.000	600.000
III	Chi lấy ý kiến góp ý các dự án luật của Quốc hội; các đề án, kế hoạch, dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân (đối với nội dung cần xin ý kiến do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định)			
1	Chi lấy ý kiến góp ý dự án Luật			
1.1	Chi đối với tổ chức, chuyên gia	đồng/văn bản	1.000.000	600.000
1.2	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân (tối đa không quá 3 lần/người/dự án luật)	đồng/người/lần	300.000	180.000
2	Chi lấy ý kiến góp ý đề án, kế hoạch, dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân			
2.1	Chi đối với chuyên gia	đồng/văn bản	1.000.000	600.000
2.2	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân (tối đa không quá 3 lần/người/văn bản)	đồng/người/ lần	300.000	180.000
3	Tổ chức họp góp ý kiến			
3.1	Viết bài tham luận	đồng/người/ bài	500.000	300.000
3.2	Người chủ trì	đồng/người/ buổi	200.000	150.000
3.3	Đại biểu Hội đồng nhân dân và khách mời	đồng/người/ buổi	150.000	100.000
3.4	Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ trực tiếp	đồng/người/ buổi	150.000	100.000
3.5	Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ gián tiếp	đồng/người/ buổi	80.000	60.000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Thành phố	Cấp xã (phường, xã, đặc khu)
3.6	Phóng viên báo đài tham gia	đồng/người/ buổi	80.000	60.000
4	Viết báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào dự án luật; góp ý đề án, kế hoạch, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân	đồng/báo cáo	800.000	500.000
IV	Chi cho công tác giám sát, khảo sát			
1	Đoàn giám sát, khảo sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân			
1.1	Chi xây dựng các văn bản			
1.1.1	Xây dựng quyết định thành lập Đoàn giám sát, khảo sát; xây dựng nội dung kế hoạch giám sát, khảo sát	đồng/văn bản/đợt	300.000	180.000
1.1.2	Xây dựng đề cương giám sát, khảo sát	đồng/văn bản/đợt	1.000.000	600.000
1.1.3	Xây dựng báo cáo tổng hợp, thông báo kết quả sau đợt giám sát, khảo sát	đồng/văn bản/đợt	1.000.000	600.000
1.2	Chi tổ chức cuộc họp			
1.2.1	Trưởng đoàn (người chủ trì cuộc họp)	đồng/người/ buổi	200.000	150.000
1.2.2	Đại biểu Hội đồng nhân dân và khách mời	đồng/người/ buổi	150.000	120.000
1.2.3	Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ trực tiếp	đồng/người/ buổi	150.000	100.000
1.2.4	Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ gián tiếp	đồng/người/ buổi	100.000	80.000
1.2.5	Phóng viên báo đài tham gia	đồng/người/ buổi	100.000	80.000
2	Đoàn giám sát, khảo sát của các Ban Hội đồng nhân dân và các Tổ đại biểu			
2.1	Chi xây dựng các văn bản			

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Thành phố	Cấp xã (phường, xã, đặc khu)
2.1.1	Xây dựng quyết định, kế hoạch thực hiện giám sát khảo sát	đồng/văn bản/đợt	300.000	180.000
2.1.2	Chi bồi dưỡng xây dựng báo cáo, thông báo kết quả sau đợt giám sát, khảo sát	đồng/báo cáo/đợt	1.000.000	600.000
2.2	Chi tổ chức cuộc họp			
2.2.1	Trưởng đoàn (người chủ trì cuộc họp)	đồng/người/ buổi	200.000	150.000
2.2.2	Đại biểu Hội đồng nhân dân và khách mời	đồng/người/ buổi	150.000	120.000
2.2.3	Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ trực tiếp	đồng/người/ buổi	150.000	100.000
2.2.4	Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ gián tiếp	đồng/người/ buổi	100.000	80.000
2.2.5	Phóng viên báo đài tham gia	đồng/người/ buổi	100.000	80.000
3	Hỗ trợ tiền ăn trưa khi thực hiện giám sát, khảo sát tại các xã, đặc khu; phường thuộc khu vực Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu (trước sắp xếp)	đồng/người/ngày	100.000	-
4	Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân			
4.1	Chi cho việc xây dựng văn bản			
4.1.1	Xây dựng kế hoạch chi tiết phiên giải trình	đồng/văn bản	200.000	120.000
4.1.2	Xây dựng thông báo kết luận phiên giải trình	đồng/văn bản	1.000.000	600.000
4.2	Chi phiên họp			
4.2.1	Chủ trì	đồng/người/ buổi	200.000	150.000
4.2.2	Đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/người/ buổi	150.000	120.000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Thành phố	Cấp xã (phường, xã, đặc khu)
	và khách mời			
4.2.3	Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ trực tiếp, phóng viên báo đài	đồng/người/ buổi	100.000	80.000
4.2.4	Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ gián tiếp	đồng/người/ buổi	50.000	50.000
5	Chi cho hoạt động chất vấn tại kỳ họp			
5.1	Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến chất vấn	đồng/báo cáo	1.000.000	600.000
5.2	Xây dựng Nghị quyết về chất vấn	đồng/Nghị quyết	2.000.000	1.200.000
V	Chi tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân			
1	Tổ chức tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp			
1.1	Chi hỗ trợ cho điểm tiếp xúc cử tri để tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân như: trang trí, nước uống, thuê địa điểm, bảo vệ và các khoản khác.	đồng/điểm/cuộc	5.000.000	2.000.000
1.2	Chi bồi dưỡng			
1.2.1	Đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/đại biểu/năm	4.500.000	2.700.000
1.2.2	Cán bộ, công chức, người lao động tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri	đồng/người/buổi	200.000	120.000
1.3	Chi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của từng Tổ đại biểu	đồng/báo cáo/đợt	500.000	300.000
1.4	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp chung ý kiến cử tri gửi Thường trực Hội đồng nhân	đồng/báo cáo/đợt	1.000.000	600.000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Thành phố	Cấp xã (phường, xã, đặc khu)
	dân			
2	Tổ chức tiếp xúc cử tri của Thường trực Hội đồng nhân dân theo chuyên đề, theo ngành, giới			
2.1	Chi hỗ trợ các đơn vị phối hợp thực hiện nhằm trang trải cho những chi phí cần thiết như: trang trí, nước uống, thuê địa điểm, bảo vệ và các khoản khác	đồng/cuộc	5.000.000	3.000.000
2.2	Chi dự họp			
2.2.1	Đại biểu Hội đồng nhân dân tham dự, khách mời	đồng/cuộc	100.000	60.000
2.2.2	Cán bộ, công chức và người lao động tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri	đồng/cuộc	80.000	50.000
2.3	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri	đồng/báo cáo	300.000	180.000
VI	Chi tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân			
1	Chi tiếp công dân			
1.1	Đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân	đồng/người/buổi	150.000	100.000
1.2	Đại diện lãnh đạo cơ quan được phân công tiếp công dân	đồng/người/buổi	100.000	80.000
1.3	Cán bộ, công chức tham mưu, phục vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân	đồng/người/buổi	80.000	60.000
2	Báo cáo kết quả tiếp công dân	đồng/báo cáo	500.000	300.000
VII	Chi phục vụ kỳ họp của Hội đồng nhân dân, các hội nghị do Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức			

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Thành phố	Cấp xã (phường, xã, đặc khu)
1	Chi cho kỳ họp Hội đồng nhân dân			
1.1	Chủ tọa kỳ họp	đồng/người/buổi	200.000	150.000
1.2	Thư ký kỳ họp	đồng/người/buổi	150.000	100.000
1.3	Tổng hợp ý kiến thảo luận Tổ	đồng/người/buổi	100.000	60.000
1.4	Chi hỗ trợ cho đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời, cán bộ, công chức, người lao động, phóng viên báo đài trực tiếp phục vụ kỳ họp	đồng/người/buổi	150.000	100.000
1.5	Chi hỗ trợ cho lái xe của đại biểu Hội đồng nhân dân và của khách mời dự họp; các bộ phận phục vụ khác.	đồng/người/buổi	50.000	50.000
1.6	Chi hỗ trợ tiền ăn	đồng/người/ngày	300.000	300.000
1.7	Các khoản chi khác đối với đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời và cán bộ, công chức Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân (chế độ giải khát tại kỳ họp, chế độ nghỉ trưa, chế độ làm việc vào ngày nghỉ, ngày lễ và các chế độ khác): Mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân phường, xã, đặc khu quyết định hàng năm nhưng không vượt quá mức chi phục vụ kỳ họp Quốc hội hàng năm			
2	Chi cho việc viết báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/người/văn bản	800.000	500.000
3	Chi cho công việc theo dõi, tập hợp, tổng hợp và phân loại ý kiến kết luận tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	400.000	250.000
4	Chi cho công việc hoàn thiện báo cáo, đề án, nghị	đồng/văn bản	1.500.000	900.000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Thành phố	Cấp xã (phường, xã, đặc khu)
	quyết kỳ họp			
5	Chi cho Hội nghị giao ban Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố do Thành phố đăng cai tổ chức			
5.1	Chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố, đại biểu khách mời; chế độ phòng nghỉ theo quy định chế độ hiện hành.	đồng/người/buổi	150.000	Không áp dụng
5.2	Chi cho cán bộ, công chức, người lao động, phóng viên báo đài phục vụ hội nghị.	đồng/người/buổi	100.000	Không áp dụng
5.3	Các khoản chi khác phục vụ hội nghị do Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định			
6	Chi cho các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân; họp các Ban Hội đồng nhân dân (trừ họp thẩm tra); họp liên tịch; Hội nghị giao ban giữa Thường trực Hội đồng nhân dân với các Tổ đại biểu hoặc với Thường trực Hội đồng nhân dân các phường, xã, đặc khu; các Hội nghị Tọa đàm, tập huấn, Hội thảo phục vụ cho Hội đồng nhân dân; họp Tổ đại biểu			
6.1	Chi cho các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân; họp các Ban Hội đồng nhân dân (trừ họp thẩm tra); họp liên tịch; Hội nghị giao ban giữa Thường trực Hội đồng nhân dân với các Tổ đại biểu; Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố với Thường trực Hội đồng nhân dân các phường, xã, đặc khu; các Hội nghị Tọa đàm, tập huấn, Hội thảo phục vụ cho Hội đồng nhân dân			
6.1.1	Chủ trì	đồng/người/buổi	200.000	150.000
6.1.2	Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời, thư ký	đồng/người/buổi	150.000	100.000
6.1.3	Cán bộ, công chức, người lao động tham gia phục vụ; phóng viên báo đài	đồng/người/buổi	100.000	80.000
6.1.4	Soạn thảo thông báo kết luận của Thường trực Hội	đồng/thông báo	300.000	200.000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Thành phố	Cấp xã (phường, xã, đặc khu)
	đồng nhân dân			
6.1.5	Hỗ trợ tiền ăn	đồng/người/ buổi	100.000	100.000
6.2	Hợp Tổ đại biểu			
6.2.1	Chủ trì	đồng/người/buổi	150.000	120.000
6.2.2	Đại biểu Hội đồng nhân dân, thư ký	đồng/người/buổi	100.000	80.000
6.2.3	Phóng viên báo đài, cán bộ công chức, nhân viên phục vụ	đồng/người/buổi	70.000	60.000
6.2.4	Ghi biên bản ý kiến đại biểu tại cuộc họp	đồng/biên bản	120.000	100.000
6.2.5	Soạn thảo báo cáo tổng hợp các ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu, Nhóm đại biểu	đồng/báo cáo	300.000	200.000
7	Chi cho hội nghị chuyên đề của Hội đồng nhân dân			
7.1	Chủ tọa hội nghị	đồng/người/buổi	200.000	150.000
7.2	Thư ký hội nghị	đồng/người/buổi	150.000	120.000
7.3	Đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời	đồng/người/buổi	150.000	120.000
7.4	Cán bộ, công chức, người lao động, phóng viên báo đài phục vụ trực tiếp	đồng/người/buổi	100.000	80.000
7.5	Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ gián tiếp	đồng/người/buổi	50.000	50.000
7.6	Các báo cáo tham luận của chuyên gia (nếu có) bằng văn bản	đồng/bài.	500.000	300.000
VIII	Chi cho công tác xã hội			
1	Chế độ thăm hỏi ốm đau (không quá 02 lần/năm)			
1.1.	Đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/trường hợp	1.000.000	1.000.000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Thành phố	Cấp xã (phường, xã, đặc khu)
	đương nhiệm			
1.2	Nguyên là Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo các Ban Hội đồng nhân dân, lãnh đạo Văn phòng	đồng/trường hợp	1.000.000	1.000.000
1.3	Lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị đương nhiệm và đã nghỉ hưu	đồng/trường hợp	1.000.000	1.000.000
1.4	Các đối tượng nêu mục 1.1, mục 1.2, mục 1.3 khi bị bệnh hiểm nghèo và các trường hợp khác do Chủ tịch Hội đồng nhân dân quyết định	đồng/trường hợp	Tối đa 5.000.000	Tối đa 5.000.000
2	Chi thăm viếng			
2.1	Chi phúng viếng			
2.1.1	Đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm từ trần được phúng viếng	đồng/trường hợp	5.000.000	5.000.000
2.1.2	Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng); con đẻ, con nuôi hợp pháp của đại biểu Hội đồng nhân dân từ trần.	đồng/trường hợp	2.000.000	2.000.000
2.1.3	Đối với các vị nguyên là Thường trực Hội đồng nhân dân, đại biểu chuyên trách của Hội đồng nhân dân	đồng/trường hợp	3.000.000	3.000.000
2.1.4	Lãnh đạo các đơn vị đương nhiệm và nghỉ hưu	đồng/trường hợp	3.000.000	3.000.000
2.1.5	Trợ cấp mai táng phí đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân nếu từ trần mà người lo mai táng không đủ điều kiện	đồng/đại biểu	10 lần mức lương cơ sở	

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Thành phố	Cấp xã (phường, xã, đặc khu)
	hưởng trợ cấp mai táng từ Quỹ bảo hiểm xã hội hoặc không thuộc đối tượng hưởng trợ cấp mai táng. (Thực hiện theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)			
2.2	Hoa viếng cho các đối tượng nêu tại mục 2.1	Thanh toán theo thực tế		
3	Ngoài các chế độ khám, chăm sóc sức khỏe theo quy định (nếu có), đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ hằng năm theo mức khoán. Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức chi năm.	đồng/người/ năm	4.000.000	4.000.000
4	Chế độ thăm hỏi, ốm đau, thăm viếng, trợ cấp đối với cán bộ, công chức, người lao động thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đương nhiệm, nghỉ hưu được áp dụng như đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp. Riêng trường hợp bị bệnh hiểm nghèo, khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn thì tùy theo hoàn cảnh, Chủ tịch Hội đồng nhân dân các cấp quyết định mức trợ cấp nhưng không vượt quá 5.000.000 đồng/người.			
IX	Chế độ chi may trang phục (lễ phục)			
1	Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân được	đồng/người /lần	5.000.000	5.000.000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Thành phố	Cấp xã (phường, xã, đặc khu)
	cấp tiền may trang phục (lễ phục) hai lần.			
2	Cán bộ, công chức thuộc Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố trực tiếp phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân Thành phố được cấp tiền may trang phục (lễ phục) một lần trong nhiệm kỳ.	đồng/người/lần	5.000.000	(chỉ áp dụng ở cấp Thành phố)
X	Chế độ khác			
1	Trong nhiệm kỳ, mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố được cấp một thiết bị công nghệ thông tin (máy tính xách tay hoặc máy tính bảng) phục vụ nhu cầu công việc của đại biểu	01 thiết bị/người/lần	(chỉ áp dụng ở cấp Thành phố)	
2	Chi thực hiện các chương trình tiếp xúc, đối thoại với cử tri, nhân dân hoặc các chương trình tương tự của Hội đồng nhân dân Thành phố			
2.1	Tổ chức chương trình tại Đài Truyền hình TP (HTV)			
2.1.1	Chi hỗ trợ cho cử tri			
	- Ngày Tổng duyệt - Ngày Chính thức	đồng/người/ buổi	50.000 100.000	(chỉ áp dụng ở cấp Thành phố)
2.1.2	- Chi hỗ trợ cho đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời tham dự, cử tri, cán bộ, công chức, người lao động, phóng viên báo đài phục vụ: + Ngày Tổng duyệt + Ngày Chính thức	đồng/người/ buổi	50.000 100.000	
2.2	Tổ chức chương trình tại cơ sở			

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Thành phố	Cấp xã (phường, xã, đặc khu)
2.2.1	Chi hỗ trợ cho cơ sở bố trí địa điểm thực hiện, (trang trí, nước uống và phục vụ...); Đài Truyền hình Thành phố.	đồng/đơn vị/chương trình	10.000.000	(chỉ áp dụng ở cấp Thành phố)
2.2.2	- Chi hỗ trợ cho đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời tham dự, cử tri, cán bộ, công chức, người lao động phóng viên báo đài phục vụ: + Ngày Tổng duyệt + Ngày Chính thức	đồng/người/ buổi	50.000 100.000	
3	Chi hỗ trợ hoạt động của Tổ Đại biểu	đồng/Tổ/quý	2.000.000	1.000.000
4	Đại biểu Hội đồng nhân dân được cung cấp tài liệu:			
4.1	Công báo, báo Nhân dân, phí khai thác internet theo mức khoán	đồng/người /tháng	700.000	400.000
4.2	Báo Đại biểu nhân dân được chuyển trực tiếp đến từng đại biểu Hội đồng nhân dân	Thanh toán theo thực tế		
5	Chi xây dựng kỷ yếu nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân và tặng quà lưu niệm cho đại biểu Hội đồng nhân dân khi kết thúc nhiệm kỳ.	đồng/người	Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định	Không quá 1.000.000
6	Cán bộ, công chức, người lao động công tác tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm với mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định (chỉ áp dụng cấp Thành phố)			
7	Chi cho chuyên gia được mời làm cộng tác viên, do Thường trực Hội đồng nhân dân yêu cầu			

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Thành phố	Cấp xã (phường, xã, đặc khu)
7.1	Đối với chuyên gia làm việc có thời hạn	đồng/người/tháng	10.000.000	5.000.000
7.2	Đối với chuyên gia được mời làm việc theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân	đồng/chuyên đề	6.000.000	3.000.000
7.3	Đối với chuyên gia được mời làm việc theo đề nghị của các Ban Hội đồng nhân dân	đồng/chuyên đề	5.000.000	2.000.000
8	Chi trao đổi học tập kinh nghiệm về hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, của các Ban của Hội đồng nhân dân trong nước	Ngoài tiền thuê phòng nghỉ, phụ cấp lưu trú theo quy định hiện hành còn hỗ trợ thêm 300.000 đồng/người/ngày (các mức chi khác do Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định). Các ngày tham dự hội nghị, ngày đi công tác đã được thanh toán tiền ăn thì không được thanh toán phụ cấp lưu trú (kinh phí hỗ trợ tiền ăn và tiêu vật)		Áp dụng theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025.
9	Chi tổ chức đoàn trao đổi, nghiên cứu kinh nghiệm về hoạt động Hội đồng nhân dân Thành phố tại nước ngoài: Theo kế hoạch, đề án cụ thể được Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt.			
10	Các chế độ, mức chi phục vụ cho chi tiếp khách trong và ngoài nước của Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài			

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Thành phố	Cấp xã (phường, xã, đặc khu)
	chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 54/2021/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2021 và Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025.			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định chế độ hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm cho đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách, người lao động thôi việc sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Việc làm số 38/2013/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP về thi điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 250/TTr-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về chế độ hỗ trợ vay vốn tạo việc làm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách, người lao động thôi việc sau khi sắp

xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 501/BC-BKTNS ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm cho đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách, người lao động thôi việc sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định đối tượng, chế độ hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm cho đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách, người lao động thôi việc do sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách, người lao động thôi việc do sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ Thành phố đến cấp xã; các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Các cá nhân, tổ chức khác có liên quan.

Điều 2. Quy định chế độ hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm

1. Mức hỗ trợ vay: mức vay tối đa là 300.000.000 đồng/người. Mức vay cụ thể do Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Thành phố Hồ Chí Minh xem xét quyết định căn cứ vào nguồn vốn, nhu cầu sử dụng, chu kỳ sản xuất, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn.

2. Nội dung hỗ trợ vay: cho vay hỗ trợ giải quyết việc làm và mở rộng việc làm. Mỗi đối tượng được hỗ trợ 01 chu kỳ vay vốn tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách

xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Hình thức: cho vay bằng hình thức tín chấp, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận có nhu cầu vay vốn theo quy trình vay vốn giải quyết việc làm và các quy định hiện hành áp dụng tại Ngân hàng Chính sách xã hội và thuộc diện đối tượng theo quy định tại Nghị quyết này.

4. Thời hạn: thời hạn cho vay tối đa 120 tháng.

5. Lãi suất: lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo do Thủ tướng Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách Thành phố bố trí dự toán kinh phí để tổ chức thực hiện Nghị quyết theo phân cấp ngân sách nhà nước thông qua ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Thành phố Hồ Chí Minh theo Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 4. Thời gian thực hiện chế độ hỗ trợ

Người nhận quyết định thôi việc do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp của hệ thống chính trị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (nếu có nhu cầu vay vốn) phải thực hiện hoàn tất các thủ tục vay vốn trong vòng 5 năm kể từ ngày quyết định thôi việc có hiệu lực.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Triển khai thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố, đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch tuân thủ đúng theo quy định pháp luật; ban hành Quy chế quản lý nguồn vốn giải quyết việc làm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân Thành phố; hằng năm triển khai khảo sát nhu cầu vay vốn giải quyết việc làm và đảm bảo dự toán theo quy định.

b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát chặt chẽ quy trình cho vay, đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích theo quy định tại Nghị quyết này và chủ trương của Ban Thường vụ Thành ủy; thực hiện thẩm định đầy đủ, kỹ lưỡng hồ sơ vay vốn, phương án sử dụng vốn và khả năng trả nợ của người vay; xây dựng kế

hoạch thu hồi nợ cụ thể, đúng hạn, phù hợp với phương án sản xuất, kinh doanh của người vay; bảo đảm khả năng thu hồi nguồn vốn ngân sách địa phương đã bố trí để ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Thành phố theo quy định nhằm hướng tới mục tiêu sử dụng ngân sách hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Thành phố.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 8 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà ở cho cán bộ, công chức, viên chức
và người lao động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh bị tác động,
ảnh hưởng do sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội
về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính
phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 282/TTr-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân
Thành phố dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà ở cho cán bộ, công
chức, viên chức và người lao động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh bị tác động,
ảnh hưởng do sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 502/BC-BĐT
ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ tiền
thuê nhà ở cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn Thành
phố Hồ Chí Minh bị tác động, ảnh hưởng do sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà ở cho cán bộ, công
chức, viên chức và người lao động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh hưởng lương
từ ngân sách nhà nước bị tác động, ảnh hưởng do sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

2. Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách thuộc Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Công chức, người lao động đang làm việc tại các cơ quan trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh sau đây:

- a) Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh;
- b) Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh;
- c) Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- d) Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- đ) Thuế Thành phố Hồ Chí Minh;
- e) Chi cục Hải quan khu vực II;
- g) Kho bạc Nhà nước khu vực II;
- h) Ngân hàng Nhà nước khu vực II;
- i) Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh;
- k) Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ

Đối tượng thuộc Điều 2 Nghị quyết này bị ảnh hưởng do sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, được hưởng chính sách hỗ trợ khi đáp ứng đủ điều kiện sau:

1. Được cơ quan có thẩm quyền điều động, phân công, bố trí địa điểm làm việc trực tiếp toàn thời gian có sự thay đổi địa bàn giữa tỉnh Bình Dương, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh (trước khi sắp xếp).

2. Chưa được bố trí nhà ở công vụ theo quy định.

Điều 4. Nội dung hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ

a) Cán bộ, công chức, viên chức có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,9 trở lên được hỗ trợ 10.400.000 đồng/người/tháng (mười triệu, bốn trăm ngàn đồng).

b) Cán bộ, công chức, viên chức có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 đến dưới 0,9 được hỗ trợ 8.000.000 đồng/người/tháng (tám triệu đồng).

c) Cán bộ, công chức, viên chức có hệ số phụ cấp chức vụ dưới 0,7, không có hệ số phụ cấp chức vụ và người lao động được hỗ trợ 4.800.000 đồng/người/tháng (bốn triệu, tám trăm ngàn đồng).

2. Thời gian hỗ trợ

Mức hỗ trợ tại khoản 1 Điều này được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2027.

Điều 5. Nguồn, dự toán và thanh quyết toán kinh phí

1. Kinh phí thực hiện hỗ trợ theo Nghị quyết này từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Việc lập, phân bổ, giao dự toán và thanh quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 8 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp

để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 98/2025/NĐ-CP quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;

Xét Tờ trình số 243/TTr-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy định về thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 495/BC-BKTNS ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định về thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

4. Các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, sau đây được gọi chung là cơ quan, đơn vị.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định phê duyệt

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị là đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc.

2. Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp Thành phố; Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng có giá trị dưới 500 triệu đồng phục vụ hoạt động của đơn vị mình.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị là đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp Thành phố; Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên theo đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục và các nội dung khác được quy định tại Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 8 năm 2025.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí để thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Dương.

b) Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ

hợp thứ ba thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm
các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí
chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý
của Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 98/2025/NĐ-CP quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;

Xét Tờ trình số 268/TTr-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua

sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 494/BC-BKTNS ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP, cụ thể:

1. Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu.
2. Thẩm quyền quyết định thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam (gọi tắt là tổ chức);
2. Cơ quan nhà nước (gọi tắt là cơ quan);
3. Đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt là đơn vị);
4. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về Hội tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là tổ chức).

Điều 3. Thẩm quyền quyết định

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Thành ủy quyết định việc đầu tư, mua sắm đối với hoạt động đầu tư hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức của mình và đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức là đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp Thành phố quyết định việc đầu tư, mua sắm đối với hoạt động đầu tư hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức của mình và đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc đầu tư, mua sắm đối với hoạt động đầu tư hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức của mình và đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các cá nhân có thẩm quyền được quy định tại Điều 3 Nghị quyết này có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về tiêu chuẩn, định mức, điều kiện, phương thức, trình tự thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Triển khai thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố, đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch tuân thủ đúng theo quy định pháp luật.

b) Quán triệt, chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc trong quá trình quyết định việc đầu tư, mua sắm đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh phải đảm bảo thực hiện nghiêm các quy định pháp luật liên quan; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu về việc chịu trách nhiệm toàn diện trong việc quản lý, sử dụng ngân sách để đầu tư, mua sắm đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Rà soát chặt chẽ việc đầu tư, mua sắm đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chỉ thực hiện các khoản chi thực sự cần thiết, bảo đảm hiệu quả sử dụng tài sản công, đảm bảo chất lượng đầu tư, mua sắm đối với các hoạt động ứng

dụng công nghệ thông tin. Trong quá trình triển khai thực hiện cân nhắc, chọn lựa đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin một cách hợp lý, đảm bảo đồng bộ với nhiệm vụ sắp xếp tổ chức bộ máy nhằm tránh đầu tư trùng lắp, hướng tới mục tiêu sử dụng ngân sách hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Thành phố.

d) Tăng cường kiểm tra, giám sát thường xuyên và đột xuất đối với việc đầu tư, mua sắm đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tuyên truyền, tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ phụ trách việc đầu tư, mua sắm đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị, đảm bảo họ hiểu rõ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Việc đầu tư, mua sắm đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phải gắn với các mục tiêu phát triển bền vững của Thành phố, đáp ứng nhu cầu của người dân, đồng thời tối ưu hóa nguồn lực ngân sách.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 8 năm 2025.

2. Quy định tại các nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND quy định về thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, thuê tài sản, khai thác và xử lý tài sản công; mua sắm hàng hóa, dịch vụ, vật tiêu hao; hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Dương.

b) Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND quy định thẩm quyền quyết định việc thuê, đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn ngân sách tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

c) Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15
ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế,
chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 52/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 227/2025/QH15 về Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp

luật;

Xét Tờ trình số 236/TTr-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 503/BC-BPC ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động ở các vị trí lái xe phục vụ cho lãnh đạo Thành phố có chức vụ, chức danh tương đương Bộ trưởng trở lên mà theo quy định pháp luật được áp dụng chính sách như công chức do Thành phố quản lý.

2. Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách thuộc Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn Thành phố.

4. Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động do cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp ký hợp đồng lao động để thực hiện một số loại công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định của pháp luật thuộc cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ quy định tại khoản 5 Điều này, đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý và một số cơ quan Trung ương trên địa bàn Thành phố quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều này.

5. Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao tại các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, bao gồm:

- a) Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố;
- b) Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Thành phố;
- c) Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị Thành phố;
- d) Liên minh Hợp tác xã Thành phố;
- đ) Hội Nhà báo Thành phố;
- e) Hội Chữ thập đỏ Thành phố và Hội Chữ thập đỏ cấp xã.

6. Công chức thuộc các cơ quan Trung ương có trụ sở đóng trên địa bàn Thành phố, bao gồm:

- a) Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh;
- b) Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Công chức thuộc các cơ quan thuộc Bộ - ngành Trung ương có trụ sở đóng trên địa bàn Thành phố, bao gồm:

- a) Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các Tòa án nhân dân khu vực Thành phố Hồ Chí Minh;
- b) Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các Viện kiểm sát nhân dân khu vực Thành phố Hồ Chí Minh;
- c) Thuế Thành phố Hồ Chí Minh;
- d) Chi cục Hải quan khu vực II;
- đ) Kho bạc Nhà nước khu vực II;
- e) Ngân hàng Nhà nước khu vực II;
- g) Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh;
- h) Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Mức chi thu nhập tăng thêm

1. Chi thu nhập tăng thêm tối đa là 1,8 lần mức lương ngạch, bậc, chức vụ đối với các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 6 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Chi thu nhập tăng thêm tối đa 3.000.000 đồng/người/tháng đối với các đối tượng còn lại theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định

cụ thể mức chi thu nhập tăng thêm theo hệ số và mức tiền cụ thể trong dự toán ngân sách hàng năm.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Kinh phí thực hiện chi thu nhập tăng thêm từ nguồn cải cách tiền lương còn dư của Thành phố.

2. Khi xây dựng dự toán ngân sách hằng năm, sau khi Thành phố bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội theo quy định của cấp có thẩm quyền; trên cơ sở nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố và quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố bố trí dự toán chi thu nhập tăng thêm trong dự toán ngân sách, bảo đảm không vượt quá 1,8 lần mức lương ngạch, bậc, chức vụ và chi thu nhập tăng thêm không vượt quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Thời gian thực hiện chính sách

Chính sách chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết này được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết thời gian thí điểm của Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Kịp thời triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

b) Quy định, hướng dẫn tiêu chí đánh giá theo tính chất công việc; có chỉ số đo lường để đánh giá hiệu suất làm việc đối với cá nhân để làm cơ sở chi thu nhập tăng thêm đảm bảo nguyên tắc theo kết quả, hiệu quả công việc nhằm nâng cao hiệu suất làm việc, năng suất lao động tương xứng với giá trị sức lao động và đóng góp của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; gắn với cải cách hành chính, tăng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp; giao thẩm quyền thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định, chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Thành phố và phải công khai, dân chủ, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

c) Hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi Thành phố quản lý được áp dụng quy định này để chi thu nhập tăng thêm cho người được ký kết hợp đồng lao

động để làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ ở vị trí việc làm do viên chức đảm nhiệm theo nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của đơn vị, từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định pháp luật, không sử dụng ngân sách Thành phố.

d) Định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố kết quả thực hiện và nguồn cải cách tiền lương còn dư của Thành phố.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2025.

2. Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Khóa X, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2025.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng đã nghỉ việc do quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp lại đơn vị hành chính theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 280/TTr-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 477/BC-BPC ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ

đào tạo nghề cho các đối tượng đã nghỉ việc do quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp lại đơn vị hành chính theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng đã nghỉ việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ Thành phố đến cấp xã; các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp lại đơn vị hành chính theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách đã nghỉ việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ Thành phố đến cấp xã; các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp lại đơn vị hành chính theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp; doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi là cơ sở giáo dục nghề nghiệp); các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề

1. Ngân sách Thành phố chi trả kinh phí cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khi tổ chức đào tạo nghề cho các đối tượng nêu tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này với mức tối đa là 12 lần mức lương cơ sở/người/khóa học.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách đã nghỉ việc do sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp lại đơn vị hành chính theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, có nhu cầu học nghề thì được các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp nhận, tổ chức đào tạo nghề

trình độ sơ cấp hoặc đào tạo dưới 3 tháng và chi hỗ trợ các nội dung sau:

a) Chi phí đào tạo nghề: theo đơn giá dịch vụ sự nghiệp công áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do cấp thẩm quyền ban hành;

b) Chi phí tiền ăn: 30.000 đồng/người/ngày thực học;

c) Chi phí tiền đi lại: 200.000 đồng/người/khóa học.

3. Một đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách, chế độ hỗ trợ đào tạo nghề được quy định tại các văn bản khác nhau thì chỉ được hưởng một chính sách, chế độ cao nhất.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách Thành phố bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thời gian thực hiện chính sách

Thời gian thực hiện trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Triển khai thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố đảm bảo công khai, minh bạch theo quy định pháp luật; phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Thành phố, tối đa hóa hiệu quả của khoản đầu tư từ ngân sách, thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, không để xảy ra trục lợi chính sách.

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện việc giao nhiệm vụ, đặt hàng cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và thực hiện việc dự toán, quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật hiện hành về ngân sách nhà nước khi tổ chức đào tạo nghề cho các đối tượng nêu tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

c) Xây dựng và công bố công khai danh mục các ngành, nghề đào tạo dựa trên các phân tích, dự báo khoa học về nhu cầu nhân lực của Thành phố để định hướng cho người học và các cơ sở đào tạo; khuyến khích các khóa học chất lượng cao.

d) Tổ chức các hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp, giúp các đối tượng thụ

hưởng chính sách lựa chọn khóa học phù hợp với năng lực và xu hướng thị trường.

đ) Định kỳ hàng năm báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức giám sát, kịp thời đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ngày 28 tháng 8 năm 2025 đến hết ngày 28 tháng 8 năm 2027.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Khóa X, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã
được ủy quyền cho công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã
thực hiện trong lĩnh vực hành chính tư pháp**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Căn cứ Nghị định số 07/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;

Căn cứ Nghị định số 120/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Xét Tờ trình số 210/TTr-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân

Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 475/BC-BPC ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định việc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cho công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực hành chính tư pháp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được ủy quyền cho công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện trong lĩnh vực hành chính tư pháp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (gồm xã, phường, đặc khu Côn Đảo).
2. Công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.
3. Cá nhân, tổ chức có liên quan.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được ủy quyền trong lĩnh vực hành chính tư pháp

1. Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.
2. Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.
3. Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.
4. Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản.
5. Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.
6. Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử

dụng đất, nhà ở theo pháp luật về đất đai, nhà ở.

7. Chứng thực di chúc.

8. Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản.

9. Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở theo pháp luật về đất đai, nhà ở.

10. Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở theo pháp luật về đất đai, nhà ở.

11. Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, chấm dứt hợp đồng, giao dịch.

12. Chứng thực việc sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực.

13. Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực.

14. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác trong lĩnh vực chứng thực được pháp luật quy định thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trừ những nhiệm vụ, quyền hạn mà pháp luật quy định không được ủy quyền.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương quyết định việc ủy quyền một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 3 Nghị quyết này cho công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện và chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố căn cứ tình hình thực tiễn hoặc khi có quy định pháp luật làm thay đổi nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực hành chính tư pháp thì nghiên cứu, trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, điều chỉnh theo quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 8 năm 2025.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp,
nơi có nhiều lao động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 227/2025/QH15 Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nghị định 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Xét Tờ trình số 271/TTr-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu

công nghiệp, nơi đông lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 491/BC-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết về chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều đông lao động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

b) Các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 81 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

Điều 2. Nội dung và các mức hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non

1. Hỗ trợ đối với các cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp và nhà trẻ, lớp mẫu giáo ở nơi có nhiều lao động

Hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất 01 lần bao gồm: trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em. Cụ thể:

a) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp và nhà trẻ, lớp mẫu giáo ở nơi có nhiều lao động có dưới 30 trẻ được hỗ trợ 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*);

b) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp và nhà trẻ, lớp mẫu giáo ở nơi có nhiều lao động có từ 30 trẻ đến dưới 50 trẻ được hỗ trợ 55.000.000 đồng (*năm mươi lăm triệu đồng*);

c) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp và nhà trẻ, lớp

mẫu giáo ở nơi có nhiều lao động có từ 50 trẻ đến 70 trẻ được hỗ trợ 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

d) Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non ở nơi có nhiều lao động có trên 70 trẻ được hỗ trợ 70.000.000 đồng/cơ sở (*Bảy mươi triệu đồng*).

2. Hỗ trợ đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động

Hỗ trợ 240.000 đồng/trẻ/tháng (*Hai trăm bốn mươi ngàn đồng*). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

3. Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp và giáo viên mầm non làm việc tại nhà trẻ, lớp mẫu giáo nơi có nhiều lao động

Hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/tháng (*Một triệu đồng*). Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học. Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Các cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp đã hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh, Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương quy định về việc hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Bình Dương, Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hội

đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định mức hỗ trợ đối với trẻ em, giáo viên, cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở nơi có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì không được hưởng chính sách hỗ trợ quy định ở Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2025.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương quy định về việc hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

c) Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định mức hỗ trợ đối với trẻ em, giáo viên, cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở nơi có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về nội dung chi, mức chi thực hiện
các nhiệm vụ thuộc công tác tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi
trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nghị định 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư 69/2021/TT-BTC hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Nghị quyết về nội dung chi, mức chi thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 486/BC-HĐND ngày 28 tháng 8

năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định về nội dung chi, mức chi thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định về nội dung chi, mức chi thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 2. Nội dung chi, mức chi

1. Các nội dung, mức chi cụ thể cho công tác tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

2. Mức chi cho các nhiệm vụ thuộc công tác tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp xã: áp dụng tối đa bằng 70% mức chi tương ứng cho từng nội dung chi của kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp Thành phố.

3. Mức chi quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ theo quy định. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức cao nhất tại Nghị quyết này.

4. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp

dụng đối với giáo dục phổ thông.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước (ngân sách chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2025.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 46/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Quy định về nội dung chi, mức chi thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

c) Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về bổ sung Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2022 Quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

d) Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về nội dung chi và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ

hợp thứ ba thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

PHỤ LỤC

**NỘI DUNG CHI, MỨC CHI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ
THUỘC CÔNG TÁC CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ CÁC KỲ THI,
CUỘC THI, HỘI THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025
của Hội đồng nhân dân Thành phố)*

I. NỘI DUNG

1. Những kỳ thi, cuộc thi, hội thi được áp dụng mức chi bằng 100% mức chi quy định tại Phần II Phụ lục này như sau:

Stt	Nội dung
1	Thi tốt nghiệp THPT
2	Thi tuyển sinh lớp 10, bổ sung vào trường THPT chuyên
3	Thi giáo viên giỏi Thành phố
4	Thi giáo viên chủ nhiệm giỏi Thành phố
5	Thi Học sinh, học viên Giỏi lớp 9 THCS Thành phố
6	Thi Học sinh, học viên Giỏi lớp 12 THPT Thành phố
7	Thi chọn đội tuyển HSG lớp 12 THPT Thành phố
8	Thi Nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo cấp Thành phố

2. Những kỳ thi, cuộc thi, hội thi được áp dụng mức chi bằng 90% mức chi quy định tại Phần II Phụ lục này như sau:

Stt	Nội dung
1	Thi Tốt nghiệp Chương trình tiếng Pháp
2	Thi Học sinh, học viên giỏi máy tính cầm tay Thành phố

3. Những kỳ thi, cuộc thi, hội thi được áp dụng mức chi bằng 70% mức chi quy định tại Phần II Phụ lục này như sau:

Stt	Nội dung
1	Hội thi Thiết kế đồ dùng dạy học và học liệu số cấp Thành phố
2	Cuộc thi “Đánh giá năng lực, năng lực số học sinh phổ thông cấp Thành phố”
3	Cuộc Thi Học sinh với ý tưởng khởi nghiệp cấp Thành phố
4	Hội thi Quốc tế Pháp ngữ cấp Thành phố
5	Hội thi Khéo tay kỹ thuật dành cho học sinh phổ thông cấp Thành phố
6	Hội thi An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai cấp Thành phố
7	Hội thi Sáng tác ảnh cấp Thành phố
8	Hội thi Các môn ngoại ngữ giáo dục phổ thông cấp Thành phố
9	Hội thi Thiết kế chủ đề dạy học STEM/STEAM, chủ đề dạy học số cấp Thành phố
10	Hội thi Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI Agent) trong dạy và học cấp Thành phố
11	Hội thi Lớn lên Cùng Sách cấp Thành phố
12	Hội thi Văn hay chữ tốt cấp Thành phố
13	Hội thi Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh
14	Kỳ thi Khảo sát lớp 6
15	Cuộc thi Olympic Thành phố Hồ Chí Minh dành cho học sinh phổ thông
16	Hội thi Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp Thành phố
17	Hội thi Văn nghệ Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
18	Hội thi Học tập và làm theo tư tưởng, phong cách Hồ Chí Minh cấp Thành phố
19	Hội thi Sáng tạo xây dựng “Trường học hạnh phúc” cấp Thành phố

II. MỨC CHI CẤP THÀNH PHỐ

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (nghìn đồng)
1	Ban chỉ đạo thi/ Hội đồng thi		
	Trưởng ban/ Chủ tịch	Người/ngày	1.200
	Phó trưởng ban/ Phó chủ tịch	Người/ngày	1.000

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (nghìn đồng)
	Ủy viên/ thư ký	Người/ngày	800
	Nhân viên phục vụ (Kỹ thuật viên, kế toán, thủ quỹ, y tế, công an, an ninh)	Người/ngày	600
	Nhân viên phục vụ (Bảo vệ, phục vụ, lái xe, điện lực)	Người/ngày	400
2	Chi công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi thi		
2.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	Trưởng ban/ Chủ tịch	Người/ngày	1.200
	Phó trưởng ban/ Phó chủ tịch	Người/ngày	1.000
	Ủy viên/ thư ký	Người/ngày	800
	Thành viên gồm: nhân viên vi tính, nhân viên kỹ thuật, y tế, công an, kế toán, thủ quỹ.	Người/ngày	600
	Thành viên gồm: Nhân viên phục vụ, bảo vệ, lái xe.	Người/ngày	400
2.2	Tiền công thực hiện		
	Soạn thảo câu hỏi thô	Câu	70
	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	60
	Chi sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	50
	Chi sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	35
	Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	10
2.3	Thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm		
	Trưởng ban/ Chủ tịch	Người/ngày	1.200
	Phó trưởng ban/ Phó chủ tịch	Người/ngày	1.000
	Ủy viên/ thư ký	Người/ngày	800
3	Chi ra đề thi		
3.1	Hội đồng/Ban ra đề thi		
	Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	1.200
	Phó Chủ tịch thường trực	Người/ngày	1.100
	Các Phó chủ tịch	Người/ngày	1.000

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (nghìn đồng)
	Ủy viên, Thư ký (24/24h)	Người/ngày	800
	Bảo vệ vòng trong (24/24h)	Người/ngày	600
	Ủy viên, Thư ký vòng ngoài	Người/ngày	800
	Bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	400
3.2	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	Trưởng ban/ Chủ tịch	Người/ngày	1.200
	Phó trưởng ban/ Phó chủ tịch	Người/ngày	1.000
	Ủy viên/ thư ký	Người/ngày	800
	Thành viên gồm: nhân viên vi tính, nhân viên kỹ thuật, y tế, công an, kế toán, thủ quỹ.	Người/ngày	600
	Thành viên gồm: Nhân viên phục vụ, bảo vệ, lái xe.	Người/ngày	400
3.3	Chi ra đề đề xuất (đối với câu tự luận)		
	Thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Đề	600
	Thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (theo phân môn)	Đề	1.000
	Thi chọn học sinh vào đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế	Đề	1.500
3.4	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm.		
	Thi tốt nghiệp THPT	Người/ngày	1.400
	Thi chọn học sinh giỏi quốc gia (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói gồm 10 chủ đề)	Người/ngày	1.500
	Thi chọn đội tuyển dự thi Olympic khu vực và quốc tế (Đề tự luận, đề trắc nghiệm)	Người/ngày	1.500
	Đề thi thực hành kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, kỳ thi chọn đội tuyển dự thi Olympic khu vực và quốc tế	Người/ngày	1.500
4	Hội đồng/Ban in sao đề thi		
	Trưởng ban làm việc cách ly	Người/ngày	1.200
	Phó Trưởng ban làm việc cách ly	Người/ngày	1.000
	Ủy viên, Thư ký làm việc cách ly	Người/ngày	800

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (nghìn đồng)
	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	600
	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	400
	Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	Người/ngày	800
5	Hội đồng/Ban coi thi		
	Trưởng ban	Người/ngày	1.200
	Phó Trưởng ban	Người/ngày	1.000
	Thư ký, ủy viên, giám thị	Người/ngày	800
	Công an.	Người/ngày	600
	Bảo vệ.	Người/ngày	400
6	Ban thư ký Hội đồng thi		
	Trưởng ban	Người/ngày	1.200
	Phó trưởng ban	Người/ngày	1.000
	Ủy viên	Người/ngày	800
7	Ban/Tổ làm phách		
	Trưởng ban	Người/ngày	1.200
	Phó trưởng ban	Người/ngày	1.000
	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	800
	Thành viên gồm phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly.	Người/ngày	600
	Thành viên gồm phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	400
8	Hội đồng/Ban chấm thi tự luận, Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi (thi trắc nghiệm, thi tự luận, thi thực hành, thi nói, thi tin học)		
	Trưởng ban	Người/ngày	1.200
	Phó trưởng ban	Người/ngày	1.000
	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	800
	Thành viên gồm vi tính, nhân viên kỹ thuật, y tế, công an, kế toán, thủ quỹ	Người/ngày	600
	Thành viên gồm phục vụ, bảo vệ, lái xe	Người/ngày	400

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (nghìn đồng)
	Tiền công chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học đối với thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi quốc gia, thi chọn đội tuyển quốc gia; tiền công chấm thi, chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm; tiền công chấm phúc khảo bài thi tự luận tốt nghiệp trung học phổ thông, chấm thẩm định bài thi tự luận tốt nghiệp trung học phổ thông, chấm phúc khảo bài thi chọn học sinh giỏi quốc gia, chấm phúc khảo bài thi chọn đội tuyển Olympic quốc tế và khu vực (nếu có).	Người/ngày	1.200
9	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn		
	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn; tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết, biên soạn và giảng dạy thực hành, trợ lý thí nghiệm, thực hành cho học sinh các đội tuyển dự thi quốc gia, quốc tế và khu vực.	Người/ngày	1.000

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tpHCM.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn